TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI- TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2020
"V/v ly hôn giữa chị H và anh T "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Ông Đặng Hoàng Mích

2 Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu– Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ Đại, tỉnh Bến Tre.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2020/QĐST- HNGĐ ngày 13/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phạm Thị Thu H**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bị đơn: **Trần Văn T**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp LH, xã LT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 4 năm 2020 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Chị Phạm Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Trần Văn T kết hôn nhau năm 2011 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn Thời gian đầu,chung sống có hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, anh Trai thường xuyên bạo hành đánh đập chị, chị và anh Trai đã ly thân nhau từ tháng 01/2020 cho đến nay, nay chị không hàn gắn được tình cảm với anh Trai nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 04 con chung, Trần Phạm Xuân M, sinh ngày 30/11/2011; Trần phạm Hải Đ, sinh ngày 23/12/2012; Trần Phạm Xuân Đ, sinh ngày 20/8/2016; Trần Phạm Xuân A, sinh ngày 20/11/2018, hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng bốn con chung, yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi đứa mỗi tháng là 750.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh Trần Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện tốt quy định Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, Bị đơn không chấp hành theo quy định Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Thu H đối với anh anh Trần Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc giáo dục hai con chung tên 04 con chung, Trần Phạm Xuân M, sinh ngày 30/11/2011; Trần phạm Hải Đ, sinh ngày 23/12/2012; Trần Phạm Xuân Đ, sinh ngày 20/8/2016; Trần Phạm Xuân A, sinh ngày 20/11/2018 anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hà là 750.000.000 đồng/ tháng/ 01 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: chị H khai không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án,căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng anh vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh Trai là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Thu H và anh Trần Văn T sống chung với nhau năm 2011 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị chị H và anh Ti được công nhận là hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và ly thân nhau từ 01/2020 cho đến nay, từ lúc ly thân đến nay mỗi người đều có cuộc sống độc lập, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Tòa chị H xác định, trong thời gian chung sống chị và anh T có 04 con chung gồm: Trần Phạm Xuân M, sinh ngày 30/11/2011; Trần Phạm Hải Đ, sinh ngày 23/12/2012; Trần Phạm Xuân Đ, sinh ngày 20/8/2016; Trần Phạm Xuân A, sinh ngày 20/11/2018. Xét thấy, từ lúc chị H và anh Trai không còn chung sống với nhau , con chung được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt, nên chị H yêu được tiếp tục nuôi con chung là có cơ sở nên được chấp nhận. Đồng thời, yêu cầu này cũng phù hợp với nguyện vọng của của hai cháu Phạm Xuân M, sinh ngày 30/11/2011; Trần Phạm Hải Đ, sinh ngày 23/12/2012 nên giao cho chị H được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa chị H yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 750.000đ/tháng/01 con chung. Xét thấy, pháp luật về hôn nhân gia đình quy định người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do chị H là người trực tiếp nuôi con nên yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là có cơ sơ phù hợp Điều 82 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận. Do đó, buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng mỗi con chung là là 750.000 đồng

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có nên không xét đến.

[*3] Về án phí:*

[3.1] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định là 300.000 đồng

[3.2] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh T phải chịu án phí theo luật định là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Thu H đối với anh Trần Văn T, chị H được ly hôn với anh Trai.

2. *Về con chung:*

Giao 04 con chung Trần Phạm Xuân M, sinh ngày 30/11/2011; Trần phạm Hải Đ, sinh ngày 23/12/2012; Trần Phạm Xuân Đ, sinh ngày 20/8/2016; Trần Phạm Xuân A, sinh ngày 20/11/2018 cho chị Phạm Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Phạm Thị Thu H số tiền là 750.000.000 đồng/tháng/ 01 con chung (bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh Trần Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trong thời gian con chung chưa tròn 18 tuổi, chị Phạm Thị Thu H được quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, anh Trần Văn T được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con.

3. *Về tài sản chung:* Chị Phạm Thị Thu H khai không có, nên không xét đến.

4. *Về nợ chung:* Chị Phạm Thị Thu H khai không có, nên không xét đến.

5. *Về án phí:*

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền chị Hà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010733 ngày 24/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, vậy án phí chị Hà đã nộp đủ.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn T phải chịu án 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

Chị Phạm Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Văn Trai vắng mặt cũng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND xã Bình Thới, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Văn Tuấn